

Ngoài các thành viên trên, Văn phòng sẽ cử từ 2 đến 3 cán bộ của Văn phòng Chính phủ giúp Tổ làm việc theo đề nghị của Tổ trưởng.

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 366/QĐ-TTg ngày 28-4-1998 về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Quyết định số 666-TTg ngày 21-8-1997 của Thủ tướng Chính phủ về danh sách các thành viên Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tại Tờ trình số 883/BKHCNMT-KH ngày 14-4-1998 về việc thay đổi Chủ tịch Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Cử Giáo sư Chu Tuấn Nhạ, Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường giữ chức Chủ tịch Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ thay đồng chí Phạm Gia Khiêm.

Điều 2.- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3.- Bộ trưởng Bộ Khoa học, Công nghệ và

Môi trường, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các thành viên Hội đồng giải thưởng Hồ Chí Minh và giải thưởng Nhà nước về Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

TÀI CHÍNH - KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

THÔNG TƯ liên tịch số 50/1998/TTLT/BTC-BKHCNMT ngày 15-4-1998 hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với nguồn kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ.

Thực hiện Nghị định số 87-CP ngày 19-12-1996 của Chính phủ quy định chi tiết việc phân cấp quản lý, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước hướng dẫn Luật Ngân sách nhà nước và Quyết định số 419-TTg ngày 21-7-1995 về cơ chế quản lý các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 32-TC/HCSN ngày 13-6-1997 hướng dẫn quản lý tài chính các Chương trình khoa học công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 1996-2000. Để thống nhất công tác quản lý tài chính đối với kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công

nghệ, liên Bộ Tài chính - Khoa học, Công nghệ và Môi trường hướng dẫn như sau:

Phần I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Kinh phí thu hồi từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của các Bộ, ngành và địa phương là nguồn thu của ngân sách nhà nước, được đầu tư trở lại cho các hoạt động khoa học, công nghệ, được quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Kinh phí thu hồi được nộp vào tài khoản chuyên thu mở tại Kho bạc Nhà nước. Ở Trung ương do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường làm chủ tài khoản, ở địa phương do Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường làm chủ tài khoản. Cuối năm nếu chưa chi hết được chuyển số dư sang năm sau tiếp tục sử dụng.

3. Kinh phí thu hồi phải sử dụng đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả. Định kỳ hàng quý, năm, các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường lập báo cáo tình hình thu nộp và sử dụng kinh phí thu hồi của địa phương gửi Sở Tài chính - Vật giá để tổng hợp, báo cáo theo chế độ quy định hiện hành; Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường tổng hợp tình hình thu nộp và sử dụng kinh phí thu hồi của các đơn vị Trung ương, lập báo cáo tình hình thu nộp và sử dụng kinh phí thu hồi gửi Bộ Tài chính.

Phần II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Nguồn thu hồi:

Các nhiệm vụ khoa học, công nghệ cấp nhà nước, cấp Bộ và địa phương sử dụng kinh phí thu hồi, kinh phí được ngân sách nhà nước cấp hàng năm có thu hồi kinh phí, bao gồm:

- Các đề tài nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm.

- Các dự án sản xuất thử nghiệm.

- Các dự án nhập công nghệ.

- Các đề tài, dự án khoa học, công nghệ khác.

2. Nội dung và mức thu:

2.1. Nội dung thu từ các đề tài, dự án có thu hồi kinh phí:

- Thu do bán các sản phẩm là kết quả thực hiện của các chương trình, đề tài, dự án khoa học và công nghệ.

- Tiền thu về bán phế liệu, phế phẩm trong quá trình thực hiện.

- Tiền thu về bán vật tư còn thừa sau khi thực hiện.

- Tiền thu từ bán tài sản cố định, công cụ lao động và các tài sản khác được mua sắm để phục vụ cho chương trình, đề tài, dự án khi kết thúc.

- Thu khác (nếu có).

2.2. Mức thu hồi:

Mức thu hồi kinh phí đối với các đề tài, dự án có thu hồi kinh phí được quy định từ 80% đến 100% mức Nhà nước đầu tư bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc nguồn kinh phí thu hồi cho dự án. Riêng đối với các địa phương, những trường hợp đặc biệt, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với Sở Tài chính - Vật giá có thể trình Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) xem xét quyết định mức thu hồi thấp hơn mức quy định chung tại Thông tư này, nhưng không được thấp hơn 50% mức kinh phí được ngân sách nhà nước cấp.

Đối với các dự án nhập công nghệ: Mức kinh phí thu hồi được quy định từ 70% đến 100% phần kinh phí do ngân sách nhà nước cấp.

Mức thu hồi cụ thể được thể hiện trong các hợp

đồng ký kết giữa Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ chủ quản và các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường với chủ nhiệm đề tài, dự án, có sự tham gia của cơ quan tài chính đồng cấp.

3. Nội dung chi:

Kinh phí thu hồi được chi cho các nội dung sau:

- Chi cho các dự án sản xuất thử nghiệm.
- Chi cho các nhiệm vụ đột xuất theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

Các khoản chi phí cho công tác quản lý và thu hồi của các đơn vị làm nhiệm vụ thu hồi, được tính vào dự toán chi ngân sách hàng năm của đơn vị và do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Công tác quản lý tài chính:

Công tác lập dự toán, cấp phát kinh phí và quyết toán khoản kinh phí thu hồi được thực hiện theo các quy định chung về lập dự toán, cấp phát và quyết toán ngân sách nhà nước theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các chế độ tài chính hiện hành khác và hướng dẫn cụ thể thêm một số nội dung như sau:

4.1. Lập dự toán:

- Ở địa phương: Hàng năm, căn cứ vào khả năng thu hồi từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ của địa phương và tình hình ký kết các hợp đồng khoa học và công nghệ, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường lập dự toán thu, chi kinh phí thu hồi, tổng hợp vào dự toán kinh phí khoa học, công nghệ và môi trường chung của địa phương gửi Sở Tài chính - Vật giá và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường.

- Ở Trung ương: Hàng năm, căn cứ vào khả năng thu hồi từ các đề tài, dự án khoa học và công nghệ của Trung ương và tình hình ký kết các hợp đồng khoa học và công nghệ, báo cáo tình hình thu hồi và sử dụng kinh phí của các địa phương, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường lập dự toán thu, chi kinh phí thu hồi của Trung

ương và của cả nước, tổng hợp chung vào dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường gửi Bộ Tài chính.

Từ năm 1999, dự toán chi từ nguồn kinh phí thu hồi được giao cùng với dự toán chi ngân sách nhà nước hàng năm theo Luật Ngân sách nhà nước.

4.2. Công tác thu, nộp kinh phí thu hồi:

- Ở Trung ương: Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường mở một tài khoản chuyên thu tại Kho bạc Nhà nước Trung ương để theo dõi, quản lý các khoản kinh phí thu hồi phát sinh từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của Trung ương, có theo dõi chi tiết cho từng Bộ, Ngành và chịu trách nhiệm thực hiện công tác thu hồi kinh phí theo đúng tiến độ đã quy định trong hợp đồng ký kết.

- Ở địa phương: Các Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường mở tài khoản chuyên thu tại Kho bạc tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương) để theo dõi và quản lý các khoản kinh phí thu hồi phát sinh từ các nhiệm vụ khoa học, công nghệ của địa phương và chịu trách nhiệm thực hiện công tác thu hồi kinh phí theo đúng tiến độ đã quy định trong hợp đồng ký kết.

- Các đơn vị thực hiện đề tài, dự án khoa học, công nghệ phải thu hồi kinh phí, có trách nhiệm nộp khoản kinh phí thu hồi đầy đủ, đúng thời gian đã ghi trong hợp đồng vào tài khoản chuyên thu do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (đối với khối Trung ương), Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường (đối với khối địa phương) mở tại Kho bạc Nhà nước Trung ương và các tỉnh (thành phố trực thuộc Trung ương). Các cơ quan chủ quản của các đơn vị thực hiện đề tài, dự án khoa học, công nghệ phải thu hồi kinh phí có trách nhiệm đôn đốc các đơn vị thực hiện công tác thu hồi kinh phí theo đúng hợp đồng đã ký kết.

4.3. Công tác cấp phát kinh phí từ nguồn thu hồi:

Căn cứ vào kinh phí thu hồi từ tài khoản chuyên thu đã nộp vào ngân sách nhà nước, dự toán chi được duyệt và các hợp đồng đã ký kết; cơ

quan tài chính cấp phát kinh phí trực tiếp cho các đơn vị thực hiện đề tài, dự án (hoặc cấp qua cơ quan chủ quản của các đơn vị thực hiện đề tài, dự án) theo tiến độ đã ghi trong hợp đồng. Đối với các đề tài, dự án của Trung ương nhưng thực hiện ở địa phương, Bộ Tài chính sẽ cấp kinh phí về địa phương thực hiện bằng hình thức cấp kinh phí ủy quyền qua Sở Tài chính - Vật giá, để cấp lại cho đơn vị thực hiện đề tài, dự án.

Đối với các đề tài, dự án thực hiện trên 1 (một) năm, các đơn vị thực hiện đề tài, dự án phải báo cáo kết quả thực hiện và quyết toán kinh phí năm trước, thì mới được cấp phát tiếp kinh phí năm sau.

4.4. Chế độ báo cáo quyết toán:

Chế độ kế toán, mẫu biểu và quyết toán kinh phí quý, năm thực hiện theo Quyết định số 999-TC/QĐCĐKT ngày 2-11-1996 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Hệ thống chế độ kế toán hành chính sự nghiệp và Thông tư số 9-TC/NSNN ngày 18-3-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện việc phân cấp, lập, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước.

Đối với nguồn kinh phí thu hồi do Trung ương quản lý: Các cơ quan chủ trì đề tài, dự án khoa học, công nghệ báo cáo quyết toán của từng đề tài, dự án gửi Bộ chủ quản, để tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Bộ Tài chính. Đối với nguồn kinh phí do ngân sách trung ương cấp ủy quyền về Sở Tài chính - Vật giá, cơ quan chủ trì đề tài, dự án khoa học, công nghệ báo cáo quyết toán với Sở Tài chính - Vật giá để Sở Tài chính - Vật giá tổng hợp quyết toán gửi Bộ Tài chính.

Đối với nguồn kinh phí thu hồi do địa phương quản lý: Các cơ quan thực hiện đề tài, dự án khoa học, công nghệ báo cáo quyết toán từng đề tài, dự án gửi Sở chủ quản để tổng hợp báo cáo quyết toán gửi Sở Tài chính - Vật giá.

Riêng các đề tài, dự án đã ký hợp đồng và nhận kinh phí từ ngân sách nhà nước từ năm 1997

về trước: Đối với các đề tài, dự án sử dụng nguồn ngân sách trung ương thì các đơn vị thực hiện đề tài, dự án chịu trách nhiệm quyết toán với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để tổng hợp quyết toán gửi Bộ Tài chính. Đối với các đề tài, dự án sử dụng nguồn ngân sách địa phương thì các đơn vị thực hiện đề tài, dự án chịu trách nhiệm quyết toán với Sở Tài chính - Vật giá.

4.5. Công tác kiểm tra tài chính:

Hàng năm, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp với cơ quan tài chính đồng cấp, cơ quan chủ quản, tiến hành kiểm tra thường xuyên hoặc đột xuất tình hình sử dụng kinh phí của các đề tài, dự án khoa học, công nghệ từ nguồn kinh phí thu hồi. Trường hợp sử dụng kinh phí sai mục đích, kém hiệu quả sẽ kiến nghị cấp có thẩm quyền đình chỉ thực hiện đề tài, dự án và thu hồi toàn bộ kinh phí đã cấp.

Phần III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư liên Bộ số 1308-TC/KHKT ngày 24-11-1990 của Ủy ban Khoa học Nhà nước - Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu hồi kinh phí đối với hoạt động khoa học và công nghệ và Thông tư số 1291-KHCNMT/TC ngày 8-10-1992 của liên Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường - Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của Bộ, tỉnh, thành phố, và thay thế Điểm 6 Phần II Thông tư số 32-TC/HCSN ngày 13-6-1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính các Chương trình Khoa học, công nghệ cấp nhà nước giai đoạn 1996-2000; áp dụng cho cả phần kinh phí đã thực hiện của năm 1996, 1997 cho các đề tài triển khai thực nghiệm, dự án sản xuất thử nghiệm thuộc các Bộ, ngành. Trong quá trình

thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc, đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, các cơ quan chủ trì đề tài, dự án kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

K.T. Bộ trưởng

Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

Thủ trưởng

PHẠM KHÔI NGUYỄN

K.T. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TÀO HỮU PHÙNG

**QUỐC PHÒNG - LAO ĐỘNG - THƯƠNG
BINH VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH**

**THÔNG TƯ liên tịch số 1232/1998/
TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC
ngày 24-4-1998 hướng dẫn thực
hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm
quản lý đơn vị dự bị động viên và
chế độ chính sách đối với quân
nhân dự bị trong thời gian tập trung
huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn
sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu.**

Thi hành Nghị định số 39-CP ngày 28-4-1997 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên;

Sau khi thống nhất ý kiến với Bộ Y tế (tại Công văn số 8293-KH ngày 25-11-1997), liên Bộ Quốc phòng - Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp trách nhiệm đối với quân nhân dự bị giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên và chế độ chính sách đối với

quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện, diễn tập, kiểm tra sẵn sàng động viên, sẵn sàng chiến đấu, như sau:

A. CHẾ ĐỘ PHỤ CẤP TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ ĐƠN VỊ DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Đối tượng được hưởng phụ cấp là những quân nhân dự bị được cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên từ tiểu đội trưởng và tương đương đến trung đoàn trưởng và tương đương.

Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên phải có đủ 2 điều kiện sau mới được hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị:

- Phải thực hiện trách nhiệm quản lý đơn vị theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 15 của Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên;

- Đơn vị phải có binh sĩ để quản lý.

Quân nhân dự bị được bổ nhiệm giữ chức vụ chỉ huy đơn vị dự bị động viên nhưng không có đủ 2 điều kiện trên thì không được hưởng phụ cấp trách nhiệm quản lý đơn vị. Trường hợp nếu trong quý không trực tiếp quản lý đơn vị như: ốm đau, đi học... quá 1/2 số ngày trong quý hoặc không thực hiện nhiệm vụ thì quý đó không được hưởng phụ cấp trách nhiệm.

2. Mức phụ cấp trong một quý của từng đối tượng được hưởng tính theo hệ số so với lương tối thiểu quy định của Chính phủ, cụ thể như sau:

- Tiểu đội trưởng và tương đương : 0,25
- Trung đội trưởng và tương đương : 0,30
- Phó Đại đội trưởng và tương đương : 0,35
- Đại đội trưởng và tương đương : 0,40
- Phó Tiểu đoàn trưởng và tương đương : 0,45
- Tiểu đoàn trưởng và tương đương : 0,50
- Phó Trung đoàn trưởng và tương đương : 0,55
- Trung đoàn trưởng và tương đương : 0,60

09665961
 www.LuatVietnam.com
 Tel: +84-8-3845 6684